

Số: /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 25 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết khu đô thị Mimosa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Điều 29 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018; Khoản 2 Điều 39 và điểm b khoản 3 Điều 39 Luật Kiến trúc ngày 13/6/2019; Khoản 6 Điều 75 Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Kiến trúc ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 27/11/2023;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt, và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/08/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn; Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị; Thông tư số 15/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Ban hành QCVN 07:2023/BXD Quy

chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật; Thông tư số 01/2021/TT/BXD ngày 19/05/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng; Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị; Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013;

Căn cứ Quyết định số 379/QĐ-UBND ngày 06/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, định hướng phát triển đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 544/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xác định các khu vực có ý nghĩa quan trọng trong các đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 06/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 266/QĐ-UBND ngày 24/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 19/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung đô thị thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 817/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2.000 (phân khu) phường An Trường, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 298/TTr-SXD ngày 19/02/2025 về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết khu đô thị Mimosa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết khu đô thị Mimosa với nội dung chính cụ thể như sau:

- 1. Tên đồ án:** Quy hoạch chi tiết khu đô thị Mimosa.
- 2. Đơn vị tổ chức lập quy hoạch:** Sở Xây dựng Tuyên Quang.
- 3. Địa điểm:** Phường An Tường, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.
- 4. Phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch chi tiết:**

4.1. Phạm vi ranh giới lập quy hoạch:

- + Phía Bắc: Giáp đường Võ Nguyên Giáp và khu dân cư hiện hữu;
- + Phía Nam: Giáp đất canh tác và khu dân cư hiện hữu;
- + Phía Đông: Giáp khu dân cư hiện hữu;
- + Phía Tây: Giáp khu dân cư và trục đường Nguyễn Tất Thành.

4.2. Quy mô lập quy hoạch:

- Quy mô lập đồ án quy hoạch chi tiết: Khoảng 20,5 ha.
- Quy mô dân số: Khoảng 4.000 người.

5. Tính chất khu vực lập quy hoạch:

- Là khu đô thị mới kết hợp thương mại dịch vụ, được xây dựng đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, nhà ở và nhà ở xã hội đáp ứng nhu cầu về nhà ở, dịch vụ tiện ích, vui chơi, giải trí của cư dân trong và ngoài khu vực, nâng cao chất lượng sống của cư dân đô thị.

- Hình thành một đơn vị ở mới cung cấp đa dạng loại hình nhà ở và nhà ở xã hội, thương mại dịch vụ; đảm bảo khớp nối về mặt tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan và hạ tầng kỹ thuật với các khu vực lân cận; đảm bảo tính đồng bộ, hiệu quả, bền vững và phù hợp với chiến lược phát triển chung của thành phố Tuyên Quang.

6. Các chỉ tiêu cơ bản về dân số, đất đai, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật.

Các chỉ tiêu cho khu đất được xác định cụ thể khi nghiên cứu lập quy hoạch, phù hợp với điều kiện thực tế tại khu vực và phù hợp tiêu chuẩn Quy chuẩn xây dựng Việt Nam như QCVN 01/2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng; QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật và các tiêu chuẩn quy chuẩn hiện hành.

Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính như sau:

TT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu quy hoạch
I	Chỉ tiêu sử dụng đất		
1.1	Đất đơn vị ở		
	Đất ở	m ² /người	≥15-28
	Trường mầm non	m ² /1 cháu	≥12
	Trường tiểu học	m ² /1 học sinh	≥10
	Trường trung học cơ sở	m ² /1 học sinh	≥10
	Đất y tế	m ² /công trình	≥500
	Đất cây xanh đơn vị ở	m ² /người	≥2
	Sân chơi, sân luyện tập	m ² /người	≥1
	Trung tâm văn hóa – Thể thao	m ² /công trình	≥2500
	Thương mại – dịch vụ	m ² /công trình	≥2000
1.2	Mật độ xây dựng		
	Lô đất xây dựng nhà ở riêng lẻ	%	40-100
	Công trình dịch vụ - công cộng	%	≤ 40
	Đất thương mại dịch vụ và đất hỗn hợp cao tầng	%	40-80
II	Hạ tầng kỹ thuật		
2.1	Giao thông		
	Tỷ lệ đất giao thông	%	≥23
	Đất bãi đỗ xe	m ² /người	≥2,5
2.2	Cấp nước		
	Cấp nước sinh hoạt (Qsh)	L/ng.ngđ	≥100
	Tỷ lệ cấp nước	%	100
	Cấp nước công trình công cộng, dịch vụ	L/m ² sàn	≥2
	Cấp nước trường học (trường mầm non)	L/cháu.ngđ	≥75
	Cấp nước trường học (trường tiểu học, THCS)	L/học sinh.ngđ	≥15
	Nước tưới công viên, vườn hoa	L/m ² /ngđ	3
	Nước rửa đường	L/m ² /ngđ	0,4
	Cấp nước PCCC	L/s/1 đám cháy	≥10
2.3	Cấp điện		
	Cấp điện đơn vị ở	W/người	≥450
	Cấp điện công cộng, DVTM	W/m ² sàn	≥30
	Cấp điện trường học, nhà trẻ	kW/cháu	≥0,2
	Cấp điện công trình y tế	kW/giường	≥1,5
	Chiếu sáng công viên, vườn hoa	W/m ²	≥0,5
	Chiếu sáng đường phố	W/m ²	≥1
2.4	Thông tin liên lạc		
	Thuê bao sinh hoạt	thuê bao/hộ	2
2.5	Thoát nước thải		
	Nước thải sinh hoạt	% nước cấp	≥ 80%
2.6	Vệ sinh môi trường		
	Tiêu chuẩn CTR	kg/người/ngày	1,3

7. Các yêu cầu đối với nội dung quy hoạch:

7.1. Nguyên tắc lập quy hoạch:

- Khi lập quy hoạch phải đánh giá hiện trạng sử dụng đất, công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, các yếu tố về văn hoá - xã hội, môi trường của khu vực lập quy hoạch để có giải pháp bổ sung, điều chỉnh hợp lý nhằm khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả đất đô thị, bảo đảm yêu cầu sử dụng về hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật, phù hợp với quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 phường An Tường, thành phố Tuyên Quang đã được phê duyệt và các quy hoạch cấp trên.

- Đối với khu vực phát triển, hình thành khu nhà ở, dịch vụ thương mại,... đảm bảo nguyên tắc sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm, tận dụng hiệu quả hệ thống hạ tầng hiện có, gắn kết chặt chẽ giữa khu vực phát triển mới và đô thị hiện có; bảo đảm sự đồng bộ và hoàn thiện về hệ thống các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ đô thị; hài hòa giữa các khu vực phát triển mới với các khu dân cư hiện có; bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và gìn giữ bản sắc của địa phương.

- Quy hoạch kiến trúc phải đạt được các yêu cầu về tổ chức không gian, đảm bảo môi trường sống và làm việc đáp ứng nhu cầu phát triển dài hạn theo định hướng chung của khu vực. Cơ cấu sử dụng đất hợp lý, thuận lợi cho việc phân chia giai đoạn đầu tư xây dựng.

- Các tuyến đường phố mở mới phải quy hoạch, thiết kế các công trình tiếp giáp với tuyến đường và đồng bộ với các công trình liền kề, nhằm đảm bảo mỹ quan chung trên toàn tuyến.

7.2. Dự báo phát triển:

- Xác định quy mô dân số, tính chất, chức năng sử dụng đất theo quy hoạch và các chỉ tiêu cho từng lô đất về diện tích, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao công trình.

- Xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính về quy mô, dân số, đất đai, công trình xây dựng và công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Xác định chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, chỉ tiêu hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật cho toàn khu vực quy hoạch.

7.3. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất:

Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật trong khu vực nghiên cứu quy hoạch tuân thủ theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, tiêu chuẩn thiết kế chuyên ngành và được xem xét, xác định cụ thể trong quá trình nghiên cứu lập quy hoạch để phù hợp điều kiện đất đai, dân số và các dự án liên quan. Việc quy hoạch sử dụng đất phải phát huy được đầy đủ công năng, hiệu quả, tránh lãng phí.

7.4. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

- Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan phải đảm bảo không gian sinh động, hài hòa với khu vực, phù hợp với các quy định và quy chuẩn xây dựng hiện hành, đảm bảo tính kết nối giữa khu vực dân cư hiện hữu và khu đô thị mới và các khu vực xung quanh dự án. Phù hợp với định hướng quy hoạch không gian trong

quy hoạch chung thành phố, quy hoạch phân khu phường An Tường và các quy hoạch khác có liên quan.

- Yêu cầu, nguyên tắc về tổ chức không gian kiến trúc khi thực hiện nghiên cứu lập đề án quy hoạch chi tiết. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, bố trí hệ thống cây xanh – mặt nước (*nếu có*) và các công trình thể thao, văn hóa, hạ tầng kỹ thuật, tiện ích đô thị đảm bảo về quy mô, chỉ tiêu theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành; phù hợp tại các khu vực không gian chuyển tiếp, các “vùng đệm” giữa khu dân cư hiện có với khu phát triển mới, đảm bảo hài hòa.

- Xác định phân vùng với các ý tưởng không gian chủ đạo, đề đưa ra các nguyên tắc về tổ chức hình thái không gian kiến trúc nhằm tạo lập các liên kết hình ảnh, các hiệu quả thẩm mỹ và đặc trưng kiến trúc của từng khu vực, góp phần tạo nên hình ảnh kiến trúc hiện đại theo một tổng thể kiến trúc chung của khu vực.

- Đề xuất quy định quản lý tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan gắn với khả năng đáp ứng của hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và kế hoạch đầu tư xây dựng các công trình dự án trên địa bàn lập quy hoạch.

7.5. Thiết kế đô thị:

- Thực hiện nghiên cứu về không gian kiến trúc cảnh quan làm cơ sở đề xuất các chỉ dẫn cụ thể về thiết kế đô thị, các quy định kiểm soát phát triển theo quy định của pháp luật, góp phần hoàn thiện quy hoạch tổng thể, đảm bảo phát triển đô thị đồng bộ và bền vững.

- Xác định các công trình điểm nhấn trong khu vực quy hoạch theo các hướng tầm nhìn (*điểm nhấn về kiến trúc, điểm nhấn về cây xanh*); xác định chiều cao xây dựng công trình của từng khu vực trên cơ sở tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, phù hợp với mật độ xây dựng và cảnh quan, cây xanh, mặt nước trong khu vực đô thị đã được quy định trong quy hoạch phân khu; xác định khoảng lùi công trình trên từng đường phố, nút giao thông tuân thủ quy hoạch phân khu, các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành.

- Xác định hình khối, màu sắc, hình thức kiến trúc chủ đạo của các công trình kiến trúc; tổ chức hệ thống cây xanh mặt nước và quảng trường (*cây xanh bóng mát và cây xanh cảnh quan*), mặt nước và các vật thể kiến trúc đô thị (*thùng rác công cộng, trạm dừng các phương tiện công cộng, ghế ngồi, hệ thống đèn chiếu sáng,...*).

- Quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị phải tính toán đến hiện trạng hình dạng các lô đất đảm bảo các yêu cầu về cảnh quan và an toàn trong xây dựng để điều chỉnh, hợp khối.

- Đề xuất các giải pháp thiết kế công trình xây dựng đồng bộ tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam và các quy định pháp luật hiện hành.

7.6. Quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị:

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị được bố trí đến mạng lưới đường nội bộ, khảo sát, đánh giá hệ thống hạ tầng kỹ thuật đã đầu tư xây dựng để có cơ sở điều

chỉnh, khớp nối cho phù hợp. Cụ thể bao gồm các nội dung sau:

- Quy hoạch cốt xây dựng đối với từng lô đất, phù hợp với các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu chung của khu vực.

- Xác định mạng lưới giao thông (*kể cả đường đi bộ nếu có*), mặt cắt, chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng.

- Xác định mạng lưới giao thông hiện có làm cơ sở nâng cấp, cải tạo, mở rộng các tuyến đường hiện hữu.

- Vị trí, quy mô bến, bãi đỗ xe để đảm bảo phục vụ nhu cầu giao thông của khu vực; chú trọng phát triển đường đi xe đạp và đi bộ thuận lợi, hấp dẫn, gắn với các không gian và chức năng đa dạng kiến tạo môi trường đô thị văn minh, đô thị xanh, bền vững.

- Việc thiết kế nút giao tuân thủ theo yêu cầu của quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và yêu cầu thiết kế đường ô tô hiện hành, bảo đảm khả năng thông hành và an toàn giao thông khi dự án được đưa vào khai thác sử dụng.

- Xác định nhu cầu và nguồn cấp nước; vị trí, quy mô công trình nhà máy, trạm bơm nước; mạng lưới cấp nước đến mạng ống cấp III (*ống dịch vụ*), hòng cứu hỏa,... và các thông số kỹ thuật chi tiết; kết nối đồng bộ giữa khu dân cư mở mới và dân cư hiện trạng.

- Xác định nhu cầu cung cấp năng lượng và chiếu sáng, hạ tầng viễn thông thu động: Xác định nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp điện; vị trí, quy mô các trạm biến áp (*nếu có*); mạng lưới đường dây điện cao thế, trung thế, hạ thế và chiếu sáng của khu vực. Xác định nhu cầu và mạng lưới thông tin liên lạc đến tủ cáp thuê bao. kết nối đồng bộ giữa khu dân cư mở mới và dân cư hiện trạng.

- Xác định lượng nước thải, rác thải; mạng lưới thoát nước; vị trí, quy mô các công trình xử lý nước bẩn, chất thải. Các điểm tập chung chất thải rắn, điểm chung truyền chất thải rắn (*đảm bảo bán kính phục vụ theo quy định*).

7.7. Đánh giá môi trường chiến lược:

- Đánh giá hiện trạng môi trường về điều kiện địa hình, các vấn đề xã hội, văn hóa, cảnh quan thiên nhiên.

- Phân tích, dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến môi trường.

- Đề xuất hệ thống các tiêu chí bảo vệ môi trường để đưa ra các giải pháp quy hoạch không gian, kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật tối ưu cho khu vực quy hoạch;

- Đề ra các giải pháp cụ thể giảm thiểu, khắc phục tác động đến môi trường đô thị khi triển khai thực hiện quy hoạch;

- Lập kế hoạch giám sát môi trường về kỹ thuật, quản lý và quan trắc môi trường.

7.8. Quy hoạch xây dựng ngầm đô thị:

Đề xuất các giải pháp bố trí Tuynel, hào kỹ thuật chứa hệ thống cấp nước phân phối, hệ thống cáp điện, thông tin liên lạc, các công trình có hạng mục tầng ngầm (nếu có).

8. Dự kiến các hạng mục cơ bản trong dự án:

Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật trong khu vực nghiên cứu quy hoạch tuân thủ Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, tiêu chuẩn thiết kế chuyên ngành và được xem xét, xác định cụ thể trong quá trình nghiên cứu lập quy hoạch để phù hợp điều kiện đất đai, dân số và các quy định có liên quan. Một số chức năng dự kiến sẽ triển khai đầu tư xây dựng như sau:

- Đất nhà ở (nhà ở liền kề, nhà ở biệt thự, khu tái định cư, nhà ở xã hội);
- Đất cây xanh;
- Đất thương mại dịch vụ;
- Đất công trình công cộng;
- + Đất giáo dục (Trường mầm non, trường tiểu học, trường THCS).
- + Đất văn hóa, thể dục thể thao (Nhà văn hóa, sân thể thao).
- Đất giao thông;
- Đất công trình hạ tầng kỹ thuật.

9. Danh mục hồ sơ đồ án.

Hồ sơ sản phẩm thực hiện theo quy định tại Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ; Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 và Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị; Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn, các quy định khác có liên quan.

10. Nguồn vốn lập quy hoạch: Thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

11. Thời gian thực hiện: Năm 2024-2025.

Thời gian hoàn thành: Không quá 06 tháng kể từ khi nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt. Thời gian lập quy hoạch không bao gồm thời gian trình các cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang và các cơ quan, đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này tổ chức thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường An Tường, thành phố Tuyên Quang và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này theo đúng các quy định của Pháp luật hiện hành./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy; (b/c)
- Thường trực HĐND tỉnh; (b/c)
- Chủ tịch UBND; (b/c)
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (Thực hiện);
- Các phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu VT. (ĐTXD - H)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Tuấn